

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C6 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121T014302006 - Thi t k ấ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010693	35C6	Nguy n Tu n Anh	30/05/1992	7.0	6.0	4.0								5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	
2	3541010695	35C6	L ² Tr n Th B o	25/06/1993	9.0	7.0	6.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
3	3541010697	35C6	Ho ầ V ấ B	24/04/1984	7.0	5.0	6.0								6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
4	3541010698	35C6	H T t ấ c	20/12/1992	9.0	6.0	6.0								7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
5	3541010699	35C6	Vô Công ấ c	26/07/1993	5.0	5.0	6.0								5.3	2.7	3.0	1.5	4.2	
6	3541010700	35C6	Bùi Trung Hi u	27/10/1991	9.0	7.0	4.0								6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
7	3541010702	35C6	L ² ấ nh Hoàng	07/03/1993	9.0	8.0	6.0								7.7	3.9	7.0	3.5	7.3	
8	3541010701	35C6	Ho ầ ấ c Hòa	17/08/1990	9.0	9.0	8.0								8.7	4.4	6.0	3.0	7.3	
9	3541010704	35C6	Nguy n Qu c Huy	17/09/1993	7.0	6.0	4.0								5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	
10	3541010705	35C6	Ph m V ấ Huu nh	13/01/1991	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
11	3541010707	35C6	Nguy n M nh Linh	27/09/1984	8.0	9.0	8.0								8.3	4.2	6.0	3.0	7.2	
12	3541010708	35C6	ấ ng Th ầ Luân	24/04/1987											0.0	0.0	0	0.0		
13	3541010709	35C6	V ^{1/2} Ng c Minh	30/09/1993	9.0	7.0	3.0								6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
14	3541010710	35C6	Nguy n S Ng c	26/04/1993	9.0	7.0	4.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
15	3541010712	35C6	Ph m H ng Phi	16/04/1993	7.0	6.0	4.0								5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	
16	3541010716	35C6	Huu nh Nguy n Anh Tu n	08/01/1988	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
17	3541010719	35C6	V ^{1/2} ấ nh V ng	20/03/1993	9.0	7.0	4.0								6.7	3.4	8.0	4.0	7.3	

T ng s : 17 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ỗ Vĩ n B M ấ n

Gi ỗ V Khoa